

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2022/DS-ST**

Ngày: 16-02-2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Bà Trần Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1983 (có mặt);

2. Bị đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp XD2, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 15/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày và yêu cầu như sau:*

Anh có tổ chức góp hụi, bà Trương Thị H có tham gia góp đây hụi mở ngày 12/5/2014 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, gồm có 22 phần, bà Trương Thị

H tham gia góp 01 phần theo danh sách hội viên thì bà Trương Thị H là hội viên số thứ 7 trong danh sách, góp được 06 lần thì bà lĩnh hội, khi đó có ký nhận vào sổ theo dõi hội của anh, góp hội chết được 08 lần nữa là tổng số lần bà Trương Thị H góp hội cho anh là 14 lần thì không góp nữa, còn nợ anh 08 lần hội chết là 24.000.000 đồng (3.000.000 đồng/ lần x 8 lần) không góp nữa. Nay anh yêu cầu bà Trương Thị H trả cho anh tiền hội vốn còn nợ là 24.000.000 đồng (3.000.000 đồng x 8 lần), ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản xác minh ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang như sau:*

Bà Trương Thị H, sinh năm 1965, có cư trú tại ấp XD2, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang hiện nay không có mặt ở nhà, ở địa phương, không biết đi đâu, thỉnh thoảng bà có về nhà, trước khi đi bà không cung cấp địa chỉ mới tại đâu.

** Bị đơn bà Trương Thị H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trương Thị H biết để bà có ý kiến về việc anh Lê Văn T yêu cầu bà trả số tiền hội còn nợ nhưng bà Trương Thị H không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân Lê Văn T và sổ hộ khẩu; Tờ giấy tập ghi theo dõi hốt hội các ngày 18/10/2014 âm lịch, ký nhận Hường; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 121/2019/QĐST-DS ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Biên; Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của người bị kiện ngày 15/01/2021 của anh Lê Văn T; Biên bản xác minh ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn anh Lê Văn T yêu cầu bà Trương Thị H trả cho anh tiền hội vốn còn nợ là 24.000.000 đồng (3.000.000 đồng/ lần x 8 lần), ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trương Thị H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình

tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 238, 239 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của anh Lê Văn T yêu cầu bà Trương Thị H trả cho anh tiền hui vốn còn nợ là 24.000.000 đồng (3.000.000 đồng/ lần x 8 lần) là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Lê Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trương Thị H trả tiền hui còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp XD2, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cho nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trương Thị H biết và ấn định thời gian để bà có ý kiến về việc anh Lê Văn T khởi kiện đối với bà trả tiền hui nhưng bà Trương Thị H không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Trương Thị H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Trương Thị H nhưng bà Trương Thị H vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai anh Lê Văn T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Trương Thị H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng góp hui giữa anh Lê Văn T và bà Trương Thị H xác lập ngày 12/5/2014 âm lịch, bằng lời nói, hui có lãi và có hoa

hồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ về họ, họ, biểu, phường.

Xét khởi kiện của anh Lê Văn T yêu cầu bà Trương Thị H trả cho anh tiền hội vốn còn nợ là 24.000.000 đồng (3.000.000 đồng/ lần x 8 lần), bà Trương Thị H không ý kiến gì đối với yêu cầu của anh Lê Văn T. Hội đồng xét xử thấy rằng, ý kiến trình bày và yêu cầu của anh Lê Văn T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể tại sổ ghi nhận nợ tiền hội ngày 18/10/2014 âm lịch của bà Trương Thị H ký nhận là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, từ khi thụ lý vụ án giải quyết cho đến nay bà Trương Thị H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T là có thật và thuộc trường hợp bà Trương Thị H thừa nhận hoặc không phản đối yêu cầu của anh Lê Văn T đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của anh Lê Văn T, buộc bà Trương Thị H phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn T số tiền hội vốn còn nợ là 24.000.000 đồng (3.000.000 đồng/ lần x 8 lần) theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, Điều 30 của Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 và khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, họ, biểu, phường.

[4] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 207, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 27 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, họ, biếu, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trương Thị H phải trả cho anh Lê Văn T số tiền hui vốn còn nợ là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bà Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.200.000 đồng (24.000.000 đồng x 5%).

Anh Lê Văn T không phải chi án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh Lê Văn T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007355 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/02/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;

- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Điều).

Trần Văn Thảo